

Biểu mẫu : 01/CKTC-ĐTXD

**CÔNG KHAI VỀ GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỐ
VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch nhà nước giao	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng số	73.809	73.809	
	Trong đó : Vốn Trong nước	73.809	73.809	
I	Vốn thực hiện dự án	73.809	73.809	
A	Dự án nhóm C	73.809	73.809	
I	NGUỒN VỐN TỈNH PHÂN CẤP NĂM 2025	15.309	15.309	
1	Công trình chuyển tiếp	4.532	4.532	
1.1	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng	1.636	1.636	
1.1.1	Trụ sở làm việc công an xã Buôn Choah	31	31	
1.1.2	Nhà làm việc xã đội xã Đăk Nang	477	477	
1.1.3	Trụ sở làm việc công an xã Đức Xuyên	988	988	
1.1.4	Trụ sở làm việc công an xã Quảng Phú, Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo	140	140	
1.2	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	2.156	2.156	
1.2.1	Trường TH Trần Phú	2.156	2.156	
1.3	Lĩnh vực giao thông	594	594	
1.3.1	Đường từ Quốc lộ 28 (thôn Nam Cường) đi thôn Nam Thuận	594	594	
1.4	Lĩnh vực cấp, thoát nước	146	146	
1.4.1	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	146	146	
2	Công trình mở mới	10.777	10.777	
2.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	1.366	1.366	
2.1.1	Trường TH Trần Phú; HM: Nâng cấp, mở rộng sân bê tông, tường rào	1.366	1.366	
2.2	Lĩnh vực giao thông	1.300	1.300	
2.2.1	Đường giao thông nông thôn bon Yôk Rlinh	1.300	1.300	
2.3	Lĩnh vực thủy lợi	1.800	1.800	
2.3.1	Kênh chính và kênh đất cánh đồng bon Choih	1.800	1.800	
2.4	Lĩnh vực cấp, thoát nước	673	673	

2.4.1	Công trình cấp nước Bon Đăk Prí, xã Nâm N'Dir	673	673	-
2.5	Lĩnh vực văn hoá	3.638	3.638	
2.5.1	Cổng chào điện tử, cổng hoa trang trí, cụm đèn led trang trí khu vực thị trấn Đăk Mâm	3.638	3.638	
2.6	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng	2.000	2.000	
2.6.1	Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Sôr	2.000	2.000	
II	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	58.500	58.500	
II.1	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	58.500	58.500	
1	Công trình chuyển tiếp	18.531,817	18.531,817	
1.1	Lĩnh vực văn hoá thông tin	13.449,000	13.449,000	
1.1	Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện Krông Nô	13.449	13.449	
1.2	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	4.078,817	4.078,817	
1.2.1	Trường TH Phan Bội Châu (Phân hiệu 38)	357,817	358	
1.2.2	Trường TH Võ Thị Sáu, hạng mục: Nâng cấp mở rộng nhà lớp học 08 phòng 2 tầng	598	598	
1.2.3	Trường TH Lê Văn Tám (Điểm chính)	3.123	3.123	
1.3	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	1.000	1.000	
1.3.1	Nâng cấp mở rộng bãi rác tại Bãi chôn lấp, xử lý rác thải rắn huyện Krông Nô	1.000	1.000	
1.4	Chi đầu tư khác	4	4	
1.4.1	Đối ứng Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	4	4	
2	Công trình mở mới	15.868,183	15.868,183	
2.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	6.400	6.400	
2.1.1	Trường THCS Nam Đà	3.900	3.900	
2.1.2	Trường TH Trần Quốc Toàn	2.500	2.500	
2.2	Lĩnh vực thủy lợi	1.000	1.000	
2.2.1	Xây mới tuyến kênh 327, xã Đăk Nang	1.000	1.000	
2.3	Lĩnh vực cấp, thoát nước	8.468,183	8.468,183	
2.3.1	Công trình cấp nước Bon Đăk Prí, xã Nâm N'Dir	8.468,183	8.468	
3	Chi đầu tư khác	24.100	24.100	
3.1	Hỗ trợ cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia và đầu tư khác	15.100	15.100	
3.2	Hoàn trả 20% trích về Quỹ phát triển đất tỉnh các năm trước	9.000	9.000	